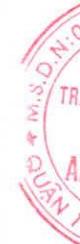


**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-29



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn ("Công ty") là một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa từ Chi nhánh Cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên theo Quyết định số 6656/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số:

4103005924 – thay đổi lần thứ nhất
0304797806 – thay đổi lần thứ hai

Ngày cấp

ngày 02 tháng 06 năm 2008
ngày 16 tháng 05 năm 2012

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

Trong năm 2013, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn).

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản Trị

Ông Phạm Mạnh Đức
Ông Trần Đình Phú
Ông Trần Văn Châu
Ông Lê Trọng Hiếu
Ông Trần Phát Minh
Bà Lê Thị Thanh Tâm
Bà Nguyễn Thị Kim Xuyến

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Kiểm soát

Bà Dương Quỳnh Nga	Trưởng Ban
Ông Dương Nam Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hùng Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Hồng Hà	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Trọng Hiếu	Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

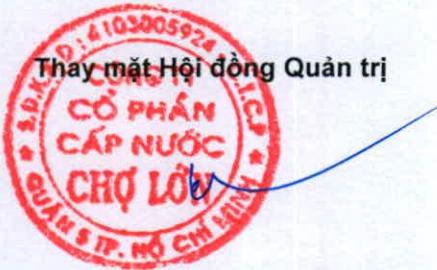
Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kê toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông PHẠM MẠNH ĐỨC *phu*

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.787.156.866	89.410.433.962
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	35.690.048.647	52.295.129.608
Tiền	111		6.635.478.073	8.399.888.971
Các khoản tương đương tiền	112		29.054.570.574	43.895.240.637
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	25.605.789.450	-
Đầu tư ngắn hạn	121		25.605.789.450	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		13.743.766.678	18.968.472.700
Phải thu khách hàng	131	4.3	3.598.945.446	2.043.055.167
Trả trước cho người bán	132	4.4	7.962.841.850	14.539.451.220
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	4.152.887.549	4.032.818.421
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.6	(1.970.908.167)	(1.646.852.108)
Hàng tồn kho	140	4.7	14.236.957.567	12.791.996.430
Hàng tồn kho	141		14.236.957.567	12.791.996.430
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.510.594.524	5.354.835.224
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	102.827.585	25.047.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.16	3.264.821.130	5.144.718.237
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.9	142.945.809	185.069.987

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242.743.641.310	233.406.209.453
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		240.630.436.349	232.907.211.334
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	225.419.164.430	188.907.190.968
Nguyên giá	222		552.101.921.770	481.508.803.192
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(326.682.757.340)	(292.601.612.224)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.11	912.533.067	984.898.675
Nguyên giá	228		2.925.946.666	2.366.752.333
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.013.413.599)	(1.381.853.658)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.12	14.298.738.852	43.015.121.691
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.330.000	8.330.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		8.330.000	8.330.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.104.874.961	490.668.119
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.13	2.104.874.961	490.668.119
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		335.530.798.176	322.816.643.415

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		137.033.410.508	136.612.261.140
Nợ ngắn hạn	310		106.252.222.705	116.377.826.616
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.14	3.113.735.932	1.855.467.932
Phải trả cho người bán	312	4.15	6.147.536.753	15.033.179.584
Người mua trả tiền trước	313		828.929.059	1.042.770.692
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.16	14.379.843.476	10.776.470.025
Phải trả công nhân viên	315		12.807.638.503	18.712.281.130
Chi phí phải trả	316	4.17	15.628.306.513	29.731.644.519
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.18	50.964.478.336	37.436.624.043
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.19	2.381.754.133	1.789.388.691
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		30.781.187.803	20.234.434.524
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.20	17.455.420.010	15.833.112.176
Vay và nợ dài hạn	334	4.21	13.325.767.793	4.401.322.348
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		198.497.387.668	186.204.382.275
Vốn chủ sở hữu	410	4.22	198.497.387.668	186.204.382.275
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		22.715.880.043	20.113.571.708
Quỹ dự phòng tài chính	418		10.813.660.474	8.014.728.761
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		34.967.847.151	28.076.081.806
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		335.530.798.176	322.816.643.415

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi - VND		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý - VND		-	-
Ngoại tệ các loại - USD		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Vũ Thị Như Quỳnh
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập

Lại Thị Thu
LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiếu
LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		752.149.053.358	650.442.078.910
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	752.149.053.358	650.442.078.910
Giá vốn hàng bán	11	5.2	688.784.232.919	593.284.963.040
Lợi nhuận gộp	20		63.364.820.439	57.157.115.870
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.645.511.718	6.036.743.645
Chi phí tài chính	22		1.101.843.994	592.826.388
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.101.843.994	592.826.388
Chi phí bán hàng	24	5.4	8.497.430.387	9.048.496.087
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	21.325.012.853	18.066.250.143
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		37.086.044.923	35.486.286.897
Thu nhập khác	31	5.6	8.481.730.235	2.198.520.807
Chi phí khác	32	5.7	1.234.724.909	314.534.710
Lợi nhuận khác	40		7.247.005.326	1.883.986.097
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.333.050.249	37.370.272.994
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	9.451.967.771	9.380.955.861
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.881.082.478	27.989.317.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	2.683	2.153

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng



LÊ TRỌNG HIẾU

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn ("Công ty") là một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa từ Chi nhánh Cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên theo Quyết định số 6656/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số:

4103005924 – thay đổi lần thứ nhất
0304797806 – thay đổi lần thứ hai

Ngày cấp

ngày 02 tháng 06 năm 2008
ngày 16 tháng 05 năm 2012

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

Trong năm 2013, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn).

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 394 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 395 người) (không bao gồm lao động thời vụ).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bảng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm: vật dụng sản xuất và giá trị của các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định. Chi phí trả trước ngắn hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 12 (mười hai) tháng kể từ khi phát sinh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.6 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đầu tư cho dự án đường ống dẫn nước chưa hoàn thành bao gồm toàn bộ chi phí khảo sát thiết kế, chi phí xây dựng,... và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập khi giá của chứng khoán được đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính trên thị trường giảm so với giá gốc.

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là chi phí sửa chữa văn phòng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ khi phát sinh.

3.11 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Chi phí phải trả của Công ty bao gồm :

Chi phí phải trả cho nhà thầu theo giá dự toán đối với công trình xây dựng cơ bản tạm tăng tài sản cố định khi có nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được quyết toán.

Chi phí gắn đồng hồ nước và cải tạo ống mục đã thực hiện nhưng chưa quyết toán.

3.13 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí Công đoàn

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí Công đoàn như sau :

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 17% và trích từ lương người lao động là 7%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Công ty còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.14 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và cổ tức được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Công ty được hưởng thuế TNDN như sau:

- Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế trong thời gian 10 năm (đến hết năm 2016) và với thuế suất 25% trong các năm tiếp theo.
- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty/Quan hệ	Địa điểm
Công ty mẹ	
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	Thành phố Hồ Chí Minh
Các Công ty cùng tập đoàn	
Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần Cấp nước Trung An	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Công trình Giao thông Công chánh	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	Thành phố Hồ Chí Minh

4. THÔNG TIN BÓ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tồn quỹ	46.971.238	45.116.538
Tiền gửi ngân hàng	6.588.506.835	8.354.772.433
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	<u>29.054.570.574</u>	<u>43.895.240.637</u>
	<u>35.690.048.647</u>	<u>52.295.129.608</u>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất 7%/năm.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng với số tiền 25.605.789.450 VND tại các ngân hàng, lãi suất từ 7%/năm đến 9,5%/năm.

4.3 Các khoản phải thu thương mại

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu bên thứ ba	<u>3.598.945.446</u>	<u>2.043.055.167</u>
	<u>3.598.945.446</u>	<u>2.043.055.167</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.19 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	1.789.388.691	1.423.172.208
Trích quỹ từ lợi nhuận trong năm	5.038.077.085	3.987.515.229
Tăng quỹ từ các nguồn khác	71.136.400	49.450.000
Sử dụng quỹ trong năm	(4.516.848.043)	(3.670.748.746)
Số dư cuối năm	2.381.754.133	1.789.388.691

4.20 Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư của các khoản phải trả, phải nộp dài hạn là khoản vốn ứng để gán đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 có thời hạn hoàn trả trong 10 năm với số tiền là 17.455.420.010 VND.

4.21 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn	16.439.503.725	6.256.790.280
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	(3.113.735.932)	(1.855.467.932)
	13.325.767.793	4.401.322.348

Các khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn để đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước, thời hạn vay là 10 năm và các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, chi tiết các khoản vay như sau:

Hợp đồng vay/ (lãi suất vay)	01/01/2013 VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	31/12/2013 VND
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 8 năm 2007 (5,4%/năm)	65.398.111	-	27.428.000	37.970.111
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 9 năm 2007 (8,4%/năm)	974.395.191	-	349.996.000	624.399.191
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 4 năm 2008 (8,4%/năm)	1.299.392.927	-	570.312.000	729.080.927
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 4 năm 2008 (8,4%/năm)	563.590.616	-	185.200.000	378.390.616
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 4 năm 2008 (8,4%/năm)	2.864.297.823	-	632.000.000	2.232.297.823
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11 tháng 11 năm 2009 (8,4%/năm)	395.904.089	-	78.427.220	317.476.869
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 8 năm 2010 (8,4%/năm)	93.811.523	-	12.104.712	81.706.811
Hợp đồng 3703/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012 (11,4%/năm)	-	2.276.412.460	-	2.276.412.460
Hợp đồng 3710/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012 (11,4%/năm)	-	4.794.557.471	-	4.794.557.471
Hợp đồng 3702/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012 (11,4%/năm)	-	4.967.211.446	-	4.967.211.446
	6.256.790.280	12.038.181.377	1.855.467.932	16.439.503.725

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.22 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển ("ĐTPT") VND	Quỹ dự phòng tài chính ("DPTC") VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước						
Số dư 01/01/2012	130.000.000.000	-	17.652.353.119	5.522.531.743	25.008.734.851	178.183.619.713
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.989.317.133	27.989.317.133
Trích quỹ ĐTPT và quỹ DPTC	-	-	892.257.931	2.492.197.018	(3.384.454.949)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.987.515.229)	(3.987.515.229)
Tăng khác	-	-	1.568.960.658	-	-	1.568.960.658
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.550.000.000)	(17.550.000.000)
Số dư 31/12/2012	130.000.000.000	-	20.113.571.708	8.014.728.761	28.076.081.806	186.204.382.275
Năm nay						
Số dư 01/01/2013	130.000.000.000	-	20.113.571.708	8.014.728.761	28.076.081.806	186.204.382.275
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.881.082.478	34.881.082.478
Trích quỹ ĐTPT và quỹ DPTC (*)	-	-	2.602.308.335	2.798.931.713	(5.401.240.048)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.038.077.085)	(5.038.077.085)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.550.000.000)	(17.550.000.000)
Số dư 31/12/2013	130.000.000.000	-	22.715.880.043	10.813.660.474	34.967.847.151	198.497.387.668

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 18 tháng 4 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	Tỷ lệ
	VND	%
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV	66.304.000.000	51,00
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	14.200.000.000	10,92
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh	3.005.000.000	2,31
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	2.766.520.000	2,13
Cổ đông khác	40.724.480.000	31,33
	130.000.000.000	100,00

Cổ phiếu

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	130.000.000.000	13.000.000	130.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	130.000.000.000	13.000.000	130.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	130.000.000.000	13.000.000	130.000.000.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp nước	737.496.699.830	639.000.073.649
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.652.353.528	11.442.005.261
	752.149.053.358	650.442.078.910

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước		
(*)	681.565.700.500	588.541.948.272
	7.218.532.419	4.743.014.768
	688.784.232.919	593.284.963.040

C.T.T.NH
HAN
MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.2 Giá vốn hàng bán (tiếp theo)

(*) Chi tiết giá vốn cung cấp nước:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	507.430.945.508	432.978.446.104
Chi phí nguyên vật liệu khác	31.871.193.060	36.385.710.864
Chi phí nhân công	58.700.069.586	59.524.957.202
Chi phí khấu hao tài sản	40.246.651.783	31.992.881.552
Chi phí thuê tài sản hoạt động	3.461.232.277	-
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	10.730.568.878	11.686.685.245
Chi phí chống thất thoát nước	1.721.155.956	1.301.842.398
Chi phí cải tạo ống mục	26.277.819.248	16.660.585.895
Chi phí sửa bể	919.975.705	40.531.190
Chi phí khác	853.432.872	445.980.546
Tổng chi phí sản xuất	682.213.044.873	591.017.620.996
Cộng: Chi phí sản xuất dở dang đầu năm	2.475.672.724	-
Trừ: Chi phí sản xuất dở dang cuối năm	3.123.017.097	2.475.672.724
Giá vốn cung cấp nước	681.565.700.500	588.541.948.272

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.459.641.916	5.728.252.614
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	185.362.626	308.491.031
Cỗ tức	507.176	-
4.645.511.718	6.036.743.645	

5.4 Chi phí bán hàng

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	6.565.471.934	7.333.995.617
Chi phí công cụ dụng cụ	260.717.456	20.542.000
Chi phí khấu hao	395.516.342	214.540.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	1.275.724.655	1.479.417.831
8.497.430.387	9.048.496.087	

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.038.377.321	10.462.048.604
Chi phí đồ dùng, văn phòng phẩm	532.072.897	1.001.311.258
Chi phí khấu hao	1.349.912.727	1.500.267.203
Thuế, phí và lệ phí	9.944.500	7.224.500
Chi phí dự phòng	324.056.059	440.821.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	6.070.649.349	4.654.576.723
21.325.012.853	18.066.250.143	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CHỢ LỚN
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.6 Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập từ bán hồ sơ mời thầu	56.000.004	112.218.185
Khách hàng đầu tư không hoàn vốn ống cáp	461.994.145	141.979.110
Thu nhập từ thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	-	106.449.480
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	1.105.315.866
Thu phạt vi phạm theo tiến độ hợp đồng	-	100.832.220
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước	7.889.878.907	-
Thu nhập khác	73.857.179	631.725.946
	8.481.730.235	2.198.520.807

5.7 Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí hồ sơ mời thầu	36.595.599	43.055.797
Phạt chậm nộp thuế	-	155.208.103
Chi phí thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	82.545.440	91.958.058
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	1.104.601.344	-
Chi phí khác	10.982.526	24.312.752
	1.234.724.909	314.534.710

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	44.333.050.249	37.370.272.994
Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	-	8.390.811
Lợi nhuận chịu thuế trong năm	44.333.050.249	37.378.663.805
Trong đó:		
- Lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 20%	32.625.895.831	31.379.213.151
- Lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 25%	11.707.154.418	5.999.450.654
Thuế TNDN	9.451.967.771	9.344.665.952
Bổ sung thuế TNDN của các năm trước	-	36.289.909
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.451.967.771	9.380.955.861

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	27.989.317.133
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	VND	27.989.317.133
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	2.683
		13.000.000
		2.153

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	507.430.945.508	432.978.446.104
Chi phí nguyên vật liệu khác	36.130.995.189	39.950.819.419
Chi phí nhân công	79.533.125.849	79.256.883.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.992.080.852	33.707.689.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	54.494.856.306	36.981.248.557
	719.582.003.704	622.875.087.381

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên	Mua hàng hóa (nước) Mua vật tư Thuê tài sản hoạt động Vay dài hạn Lãi vay phải trả Phải trả chi phí XDCB và TSCĐ Phải thu do chi hộ Phải thu nhượng bán vật tư, thi công trụ cứu hỏa	532.848.395.504 28.808.090.234 3.807.355.503 12.038.181.377 1.000.434.417 5.527.307.424 137.464.869 68.530.836
Công ty Công trình Giao thông Công Chánh	Phải trả tiền ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	38.000.000
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	991.955.431

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/ (Phải trả) VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên	Phải thu các khoản chi hộ Phải trả thương mại Phải trả phí thực hiện công trình XDCB, gia công đồng hồ nước Phải trả tiền vay	2.872.765.106 (2.211.323.791) (17.411.681.378) (16.439.503.725)
Công ty Công trình GT Công Chánh	Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(140.874.000)
Công ty CP Tư vấn XD Cấp nước	Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình	416.546.597

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.2 Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tiền lương và thù lao	1.853.304.316	1.513.031.759
Các khoản bảo hiểm	29.168.052	22.278.762
	1.882.472.368	1.535.310.521

6.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm : Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh như sau :

- Bộ phận cung cấp nước sạch : Mua và phân phối nước sạch
- Bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước nhằm phục vụ bổ sung cho bộ phận cung cấp nước sạch và các dịch vụ khác.

6.4 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.690.048.647	52.295.129.608
Đầu tư ngắn hạn	25.605.789.450	-
Phải thu khách hàng	1.628.037.279	396.203.059
Các khoản phải thu khác	4.152.887.549	4.032.818.421
Ký quỹ ngắn hạn	131.655.809	151.533.987
Đầu tư dài hạn khác	8.330.000	8.330.000
	67.216.748.734	56.884.015.075
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	16.439.503.725	6.256.790.280
Phải trả người bán	6.147.536.753	15.033.179.584
Chi phí phải trả	15.628.306.513	29.731.644.519
Các khoản phải trả khác	67.668.086.734	52.422.921.480
	105.883.433.725	103.444.535.863

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.4 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro tài chính của Công ty bao gồm : rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau :

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro gồm : rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự thay đổi của giá thị trường do : hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch cho các khu vực đã được phân công theo sự chỉ đạo của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, chi phí hoạt động của Công ty chủ yếu là giá mua sỉ nước sạch từ Tổng Công ty, Công ty chỉ vay dài hạn từ Tổng Công ty theo các hợp đồng vay có thời hạn 10 năm với lãi suất cố định và các giao dịch của Công ty không liên quan đến ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không thực hiện các nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty. Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là thu tiền ngay và được thường xuyên theo dõi. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 4.6.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
 Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.4 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vào ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	3.113.735.932	9.614.031.165	3.711.736.628	16.439.503.725
Phải trả cho người bán	6.147.536.753	-	-	6.147.536.753
Chi phí phải trả	15.628.306.513	-	-	15.628.306.513
Các khoản phải trả khác	50.212.666.724	17.455.420.010	-	67.668.086.734
Cộng	75.102.245.922	27.069.451.175	3.711.736.628	105.883.433.725
Vào ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	1.855.467.932	4.368.034.385	33.287.963	6.256.790.280
Phải trả cho người bán	15.033.179.584	-	-	15.033.179.584
Chi phí phải trả	29.731.644.519	-	-	29.731.644.519
Các khoản phải trả khác	36.589.809.304	15.833.112.176	-	52.422.921.480
Cộng	83.210.101.339	20.201.146.561	33.287.963	103.444.535.863

Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vào ngày 31/12/2013				
Tiền và tương đương tiền	35.690.048.647	-	-	35.690.048.647
Đầu tư ngắn hạn	25.605.789.450	-	-	25.605.789.450
Phải thu khách hàng	1.628.037.279	-	-	1.628.037.279
Các khoản phải thu khác	4.152.887.549	-	-	4.152.887.549
Ký quỹ ngắn hạn	131.655.809	-	-	131.655.809
Đầu tư dài hạn khác	8.330.000	-	-	8.330.000
Cộng	67.216.748.734	-	-	67.216.748.734
Vào ngày 01/01/2013				
Tiền và tương đương tiền	52.295.129.608	-	-	52.295.129.608
Phải thu khách hàng	396.203.059	-	-	396.203.059
Các khoản phải thu khác	4.032.818.421	-	-	4.032.818.421
Ký quỹ ngắn hạn	151.533.987	-	-	151.533.987
Đầu tư dài hạn khác	8.330.000	-	-	8.330.000
Cộng	56.884.015.075	-	-	56.884.015.075



DN/2
 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Người lập

Zhu
 LẠI THỊ THU
 Kế toán trưởng

LÊ TRỌNG HIẾU
 Giám đốc
 TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2014